

Bản án số: 19/2019/HS-ST
Ngày 14-11-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Tùng.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Bắc.

2. Bà Đinh Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Viên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Mùa A Hay, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2019/HSST ngày 25 tháng 10 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị P; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 24/6/1983 tại huyện P, tỉnh Sơn La; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: TK8, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sơn La; Nơi tạm trú: Bản P, xã M, huyện B, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn S (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; Bị cáo có chồng Hà Đức S; Có 02 con, con lớn nhất 09 tuổi, con nhỏ nhất 05 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

- Bị hại: Lò Văn T; sinh năm 1979; Nơi cư trú: Bản S, xã M, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 15/8/2019, sau khi đi ăn cơm về đến trường Trung tâm chính trị huyện B, Nguyễn Thị P cất xe máy tại nhà để xe số 2 trong trường, nhìn thấy anh Lò Văn T cũng dựng xe máy và cầm 01 chiếc ví da màu nâu cất vào trong cốp xe máy. Lúc này P nảy sinh ý định trộm cắp số tiền trong ví của anh T. P đi sang nói chuyện cùng hai cô giáo mầm non ở trong lớp ngay cạnh nhà xe được khoảng 10 phút sau đó quay lại chỗ để xe, quan sát xung quanh

thấy không có người, P đi đến cạnh xe máy của anh T dùng tay trái cầm lấy mép yên xe bên phải và kéo yên xe lên tạo một khoảng hở giữa yên xe và bình xăng, đồng thời lúc này dùng tay phải thò vào lấy chiếc ví ra, mở ví ra xem thấy trong ví có số tiền là 7.204.000 đồng và một số giấy tờ khác. Do sợ bị phát hiện nên P đã lấy toàn bộ số tiền cất giấu vào trong túi quần bên phải chung với số tiền 2.400.000 đồng của P sau đó sợ bị phát hiện P đã cất giấu dưới đệm đầu giường ngủ số 2 tại tầng 2 phòng số 9 nhà công vụ của trường Trung tâm Chính trị huyện. Còn chiếc ví thì P mang đi cách trường trung tâm chính trị, đi theo đường Quốc lộ 112 về hướng trung tâm Thị trấn B được khoảng 50m thì vứt bỏ sang bên cạnh đường bên phải theo hướng đi rồi quay vào trong trường nghỉ ngơi sau đó đi học.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, anh Lò Văn T mở cốp xe, phát hiện chiếc ví để trong cốp xe, bên trong ví có 7.204.000 đồng và 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 đăng ký xe máy, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ATM đều mang tên Lò Văn T bị mất nên đã báo Công an huyện B. Cơ quan Công an tiến hành kiểm tra, xác minh phát hiện số tiền dưới đệm đầu giường ngủ số 2 tại tầng 2 phòng số 9 nhà công vụ của trường Trung tâm Chính trị huyện, Nguyễn Thị P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Vật chứng thu giữ: Số tiền 9.604.000 đồng (Số tiền trộm cắp là 7.204.000 đồng và số tiền 2.400.000 đồng của Nguyễn Thị P).

Tại kết luận giám định số 1423 ngày 27/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Số tiền 9.604.000 đồng do Cơ quan CSĐT Công an huyện B gửi trưng cầu giám định là tiền thật.

Đối với chiếc ví da màu nâu và các giấy tờ bên trong ví, ngày 16/8/2019 anh Thào A L, trú tại bản C, xã H, B nhật được đã giao nộp cho cơ quan điều tra. Ngày 22/9/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã làm thủ tục trả lại chiếc ví và các giấy tờ bên trong cho anh Lò Văn T gồm: chứng minh nhân dân, thẻ ATM, giấy phép lái xe, đăng ký xe của anh T.

Tại phiên tòa công khai bị cáo Nguyễn Thị P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ, trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKS-BY ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P mức án từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, trong thời gian chấp hành án khấu trừ 5- 10% thu nhập. Áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền từ 5 triệu đến 7 triệu đồng đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự chấp nhận việc bị cáo Nguyễn Thị P tự nguyện bồi thường cho anh Lò Văn T đầy đủ số tiền 7.204.000 đồng, anh T đã nhận đủ số tiền, ví và giấy tờ kèm theo, không yêu cầu gì thêm. Về vật chứng vụ án, đề nghị áp dụng khoản 1; điểm c, khoản 2; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

tịch thu tiêu hủy 01 vỏ túi niêm phong ban đầu. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Ý kiến của bị cáo Nguyễn Thị P tự bào chữa: bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Bị hại anh Lò Văn T trình bày ý kiến tranh luận: Nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Bị hại đã nhận đủ toàn bộ tài sản bị cáo chiếm đoạt không yêu cầu bồi thường gì thêm. Về hình phạt bị cáo và gia đình bị cáo đã đến xin lỗi và tích cực bồi thường toàn bộ tài sản chiếm đoạt, hai bên đã tự hòa giải. Bị hại đề nghị miễn hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, đây là lần đầu tiên phạm tội mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất tự cải tạo tại địa phương trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị P có đủ cơ sở để khẳng định:

Khoảng 12 giờ ngày 15/8/2019, bị cáo Nguyễn Thị P nhìn thấy anh Lò Văn T cất ví tiền và một số giấy tờ vào trong cốp xe máy Exciter, BKS: 26B2-38710 tại nhà để xe của Trường Trung tâm chính trị huyện B. Bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt, đợi anh T đi nghỉ trưa, quan sát không có ai bị cáo dùng tay trái cầm lấy mép yên xe bên phải và kéo yên xe lên tạo một khoảng hở giữa yên xe và bình xăng, đồng thời lúc này dùng tay phải thò vào lấy chiếc ví ra, mở ví ra xem thấy trong ví có số tiền là 7.204.000 đồng và một số giấy tờ khác. Bị cáo lấy số tiền cất giấu còn chiếc ví và giấy tờ đem vứt đi. Cơ quan điều tra đã thu giữ được toàn bộ số tiền và giấy tờ kèm theo trong ví. Kết quả giám định số tiền thu giữ là tiền thật. Tổng giá trị tài sản bị cáo Nguyễn Thị P đã chiếm đoạt là 7.451.000 đồng, trong đó tiền mặt là 7.204.000 đồng và giá trị chiếc ví cùng giấy tờ trong ví định giá có giá trị là 247.000 đồng.

Hành vi trên của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của anh Lò Văn T, ảnh hưởng đến trật tự trị an của địa phương. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Trên cơ sở đó đủ điều kiện căn cứ kết luận hành vi trên của bị cáo Nguyễn Thị P đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án.

Xét tính chất mức độ phạm tội của bị cáo chiếm đoạt tài sản giá trị không lớn thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo có mức hình phạt quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015: “phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ, nhân thân bị cáo là phụ nữ, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Số tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi toàn bộ, chưa gây thiệt hại. Đồng thời bị cáo đã tự nguyện vay tiền trước của gia đình trả lại cho người bị hại tích cực bồi thường khắc phục hậu quả. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Giữa bị cáo và bị hại đã tự nguyện hòa giải, bị hại có đơn xin miễn giảm hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa bị hại xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Nên bị cáo Nguyễn Thị P được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Từ sự phân tích trên, xét thấy bị cáo Nguyễn Thị P chiếm đoạt tài sản giá trị không lớn thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhất thời phạm tội, xét chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội, mà cần áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục. Trong thời gian cải tạo tại địa phương bị cáo phải chịu khấu trừ một phần thu nhập sung công quỹ nhà nước theo quy định.

[4] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm nghề giáo viên, thu nhập ổn định, gia đình thuộc diện kinh tế bình thường. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án: Đối với số tiền 9.604.000 đồng là tiền của bị cáo và số tiền do bị cáo chiếm đoạt của anh T, tuy nhiên bị cáo đã vay tiền gia đình bồi thường cho anh T đầy đủ số tiền đã chiếm đoạt, do đó cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án; đối với 01 vỏ túi niêm phong ban đầu không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thị P đã tự nguyện bồi thường cho anh Lò Văn T số tiền 7.204.000 đồng. Anh Lò Văn T đã nhận đủ tiền, ví và các loại giấy tờ kèm theo không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, xét thỏa thuận bồi thường trên là hoàn toàn tự nguyện cần được ghi nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị P không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí do vậy phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị P phạm Tội: “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P 09 tháng (chín tháng) Cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”. Giao bị cáo Nguyễn Thị P cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Sơn La nhận được bản sao bản án và Quyết định thi hành án đối với Nguyễn Thị P về tội “Trộm cắp tài sản”.

Trong thời gian chấp hành án bị cáo Nguyễn Thị P bị khấu trừ 5% thu nhập để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng hình phạt bổ sung: Phạt tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng chẵn) đối với bị cáo Nguyễn Thị P.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 1; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ túi niêm phong ban đầu. Tạm giữ 9.604.000 đồng (đã niêm phong) của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

(Chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục thi hành án huyện B, tỉnh Sơn La).

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, ghi nhận bị cáo Nguyễn Thị P đã tự nguyện bồi thường cho anh Lò Văn T số tiền 7.204.000 đồng. Anh Lò Văn T đã nhận đủ số tiền, ví và các loại giấy tờ kèm theo, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã M;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Thái Văn Tùng